TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 298/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1001/2026/QĐST-HN ngày 19/6/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Công T – Sinh ngày 16/3/1984;

Số CCCD: 038084043183

Địa chỉ: Tổ dân phố 1 Đại Hùng, phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Đinh Thị D – Sinh ngày 20/7/1986;

Số Căn cước: 038186041771

Hộ chiếu số: C9394029 cấp ngày 08/10/2020;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố A Đ, phường N, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ cư trú: Ogrodowa I.23, 00-891 Warszawa, Cộng hòa B

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, chị Đinh Thị D và anh Trần Công T trình bày:

Về Hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là phường N), tỉnh Thanh Hóa năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân.

Trong thời gian ly thân, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị D đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa B nên vợ chồng ít gặp gỡ, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên anh chị thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T, chị D có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 28/11/2018 và cháu Trần Thanh V, sinh ngày 07/11/2021. Hiện nay cả hai cháu đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị D tại Cộng hòa B. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị D là người trực tiếp quản lý, chăm sóc các cháu, điều kiện sinh hoạt, học tập của các cháu hiện đang ổn định. Khi ly hôn, để bảo đảm sự ổn định về nơi ở, môi trường sống, học tập và tâm lý của các con, anh chị thống nhất giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, anh T và chị D vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp: Đã tuân thủ đúng quy định của Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 146, Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 367, Điều 369 của BLTTDS; các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh Trần Công T và chị Đinh Thị D.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Công T và chị Đinh Thị D.

Về con chung: Đề nghị giao hai cháu Trần Nhật M, sinh ngày 28/11/2018 và cháu Trần Thanh V, sinh ngày 07/11/2021 là con chung của anh T và chị D cho chị Đinh Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của anh Trần Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Đinh Thị D đang sống và lao động tại Cộng hòa B, anh Trần Công T có địa chỉ thường trú tại phường N, tỉnh Thanh Hóa và anh chị có đơn lựa chọn Tòa án khu vực 4 - Thanh Hóa giải quyết nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội.

[1.2] Chị và anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh, chị.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Nay anh, chị có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 28/11/2018 và cháu Trần Thanh V, sinh ngày 07/11/2021. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện các cháu đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị D tại Cộng hòa B, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Việc giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, học tập, sinh hoạt của các cháu. Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp thực tế và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận, anh T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Các nội dung thỏa thuận trên của chị và anh là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 362; khoản 2 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 396; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ: Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Công T và chị Đinh Thị D

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị D và anh Trần Công T

2. Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 28/11/2018 và cháu Trần Thanh V, sinh ngày 07/11/2021. Ly hôn giao cháu M và cháu V cho chị Đinh Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh Trần Công T và chị Đinh Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Trần Công T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo thỏa thuận của anh T và chị D, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 0004907 ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Nam Sầm Sơn, Thanh Hóa;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng